

A. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

1. Hiện thực lịch sử và lịch sử được con người nhận thức

- Chức năng, nhiệm vụ của Sử học.

2. Tri thức lịch sử và cuộc sống

- Sự cần thiết của việc học tập, khám phá lịch sử suốt đời.

3. Vai trò của Sử học

- Mối quan hệ giữa Sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá, di sản thiên nhiên.

- Vai trò của công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá, di sản thiên nhiên.

4. Khái niệm văn minh. Một số nền văn minh phương Đông thời cổ - trung đại.

- Giải thích khái niệm văn minh.

- Phân biệt khái niệm văn minh và văn hoá.

- Một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Ai Cập cổ đại.

- Ý nghĩa của các thành tựu văn minh Ai Cập cổ đại.

- Những thành tựu tiêu biểu của văn minh Ấn Độ thời cổ - trung đại.

- Ý nghĩa của các thành tựu văn minh Ấn Độ thời cổ - trung đại.

- Những thành tựu tiêu biểu của văn minh Trung Hoa thời cổ - trung đại.

- Ý nghĩa của các thành tựu văn minh Trung Hoa thời cổ - trung đại.

- Đánh giá, nhận xét về ảnh hưởng của các nền văn minh phương Đông cổ - trung đại đến văn minh nhân loại.

5. Một số nền văn minh phương Tây thời cổ - trung đại

- Những thành tựu tiêu biểu của văn minh Hy Lạp – La Mã thời cổ đại.

- Ý nghĩa của các thành tựu văn minh Hy Lạp – La Mã cổ đại.

- Những thành tựu tiêu biểu của văn minh thời Phục hưng.

- Ý nghĩa của các thành tựu văn minh thời Phục hưng.

- Đánh giá, nhận xét về ảnh hưởng của các nền văn minh phương Tây cổ - trung đại và văn minh thời Phục hưng đến văn minh nhân loại.

B. MA TRẬN

Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá								
		TNKQ nhiều lựa chọn			TNKQ đúng - sai			Tự luận		
		Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD
CHỦ ĐỀ 1. LỊCH SỬ VÀ SỬ HỌC	Bài 1. Hiện thực lịch sử và lịch sử được con người nhận thức	1								
	Bài 2. Tri thức lịch sử và cuộc sống	1								
CHỦ ĐỀ 2. VAI TRÒ CỦA SỬ HỌC	Bài 3. Vai trò của Sử học	2								

CHỦ ĐỀ 3: MỘT SỐ NỀN VĂN MINH THẾ GIỚI THỜI CỔ- TRUNG ĐẠI	Bài 4: Khái niệm văn minh. Một số nền văn minh.	9	5		1	1	2		1*	1*
	Bài 5: Một số nền văn minh phương Tây thời cổ-trung đại	1	1		1	1	2		1*	1*
Tổng		14	6		2	2	4		1	1
Tỉ lệ (%)		50			20			30		

C. CÂU HỎI THAM KHẢO

1. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn

Câu 1. Nội dung nào sau đây là chức năng khoa học của Sử học?

- A. Khám phá hiện thực lịch sử một cách khoa học.
- B. Khôi phục các sự kiện lịch sử diễn ra trong quá khứ.
- C. Góp phần dự báo tương lai của đất nước.
- D. Cung cấp tri thức khoa học để con người tìm hiểu.

Câu 2. Nội dung nào sau đây là chức năng xã hội của Sử học?

- A. Truyền bá giá trị và truyền thống tốt đẹp.
- B. Phát hiện quy luật vận động của lịch sử.
- C. Rút ra bản chất của các quá trình lịch sử.
- D. Rút ra bài học kinh nghiệm cho cuộc sống.

Câu 3. Nội dung nào sau đây là nhiệm vụ giáo dục của Sử học?

- A. Góp phần giáo dục đạo đức, tinh thần dân tộc.
- B. Tổng kết thực tiễn, rút ra bài học kinh nghiệm.
- C. Giúp con người tìm hiểu, khám phá lịch sử.
- D. Rút ra bản chất của các quá trình lịch sử.

Câu 4. Nội dung nào sau đây là nguyên nhân để con người phải học tập, khám phá lịch sử suốt đời?

- A. Mang lại lợi ích kinh tế và thu nhập cao cho người dân.
- B. Tồn tại những khoảng trống, bí ẩn trong nghiên cứu lịch sử.
- C. Lịch sử mang lại sự mới mẻ, tính giải trí cho giới trẻ.
- D. Nâng cao chất lượng cuộc sống, xoá đói giảm nghèo.

Câu 5. Nội dung nào sau đây **không** đúng khi nói về vai trò của lịch sử đối với cuộc sống con người?

- A. Là nền tảng của hiện tại và định hướng cho tương lai.
- B. Mang đến những kinh nghiệm và bài học có giá trị.
- C. Nguồn cảm hứng và sáng tạo trong lĩnh vực văn hoá.
- D. Dự đoán mức độ tàn phá của các thảm hoạ thiên nhiên.

Câu 6. Kết quả nghiên cứu của Sử học có vai trò nào sau đây đối với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản?

- A. Cơ sở khoa học.
- B. Hiện vật đối chiếu.
- C. Cung cấp kinh phí.
- D. Dụng cụ nghiên cứu.

Câu 7. Công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản cần đảm bảo yêu cầu nào sau đây?

- A. Nguyên trạng.
- B. Tính mới.
- C. Đổi mới.
- D. Giải trí.

Câu 8. Di sản nào sau đây là di sản văn hoá vật thể?

- A. Hoàng thành Thăng Long (Hà Nội).
- B. Nhã nhạc cung đình Huế.
- C. Hang Sơn Đoòng (Quảng Bình).
- D. Đàn ca tài tử Nam Bộ.

Câu 9. Nội dung nào sau đây là thách thức mà di sản văn hoá phi vật thể đang đối mặt trong công tác bảo tồn?

A. Nguy cơ mai một.

B. Trùng tu, phục dựng.

C. Xuống cấp trầm trọng.

D. Hư hỏng theo thời gian.

Câu 10. Nội dung nào sau đây là vai trò của công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá, di sản thiên nhiên?

A. Tái tạo, giữ gìn, lưu truyền các di sản văn hoá phi vật thể.

B. Cung cấp kinh phí đầu tư vào du lịch văn hoá, lịch sử.

C. Kích thích nhu cầu tham quan, tìm hiểu, trải nghiệm.

D. Góp phần bảo vệ môi trường và hạn chế thiên tai.

Câu 11. Nền văn minh Ai Cập cổ đại hình thành và phát triển gắn liền với dòng sông nào sau đây?

A. Sông Mê Công.

B. Sông Ấn.

C. Sông Nin.

D. Sông Hồng.

Câu 12. Bảng chữ cái nào sau đây được sáng tạo dựa trên cơ sở chữ viết của người Ai Cập?

A. Chữ Hán.

B. Chữ Nôm.

C. Chữ Phạn.

D. Chữ Phê-ni-xi.

Câu 13. Công trình nào sau đây là thành tựu tiêu biểu của kiến trúc Ai Cập cổ đại?

A. Đền Ăng-co Vát.

B. Thành Tây Đô.

C. Kim tự tháp Kê-ốp.

D. Đền Pác-tê-nông.

Câu 14. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng ý nghĩa của thành tựu khoa học, kỹ thuật của người Ai Cập cổ đại đối với văn minh nhân loại?

A. Hình thành các ngành khoa học nghiên cứu chuyên sâu.

B. Tạo ra sự thống nhất lãnh thổ và nhà nước của Ai Cập cổ đại.

C. Mang đến hệ quả to lớn là chủ nghĩa thực dân và buôn bán nô lệ.

D. Tiền đề phát triển của khoa học, kỹ thuật trong các thời kỳ tiếp theo.

Câu 15. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng ý nghĩa của thành tựu văn minh Ai Cập cổ đại?

A. Có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với lịch sử Ai Cập.

B. Ảnh hưởng đến các quốc gia khác, nhất là Đông Nam Á.

C. Chứng tỏ sự phát triển rực rỡ của văn minh Ai Cập cổ đại.

D. Đặt nền móng cho sự phát triển của văn minh nhân loại.

Câu 16. Tôn giáo nào sau đây ra đời ở nền văn minh Ấn Độ?

A. Hin-đu giáo.

B. Công giáo.

C. Hồi giáo.

D. Do thái giáo.

Câu 17. Tác phẩm nào sau đây là thành tựu tiêu biểu của văn học Ấn Độ?

A. Kinh Vệ-đa.

B. Tiểu thuyết Tam quốc diễn nghĩa.

C. Kịch Rô-mê-ô và Giu-li-ét.

D. Sử thi I-li-át và Ô-đi-xê.

Câu 18. Nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc của Ấn Độ chịu ảnh hưởng của yếu tố nào sau đây?

A. Tự nhiên.

B. Kinh tế.

C. Tôn giáo.

D. Chính trị.

Câu 19. Cư dân cổ đại nào sau đây đã nêu ra thuyết nguyên tử?

A. Hy Lạp.

B. Ấn Độ.

C. La Mã.

D. Ai Cập.

Câu 20. Chữ viết Ấn Độ được truyền bá và cải biến thành chữ viết của nhiều quốc gia thuộc khu vực nào sau đây?

A. Tây Nam Á.

B. Đông Á.

C. Đông Bắc Á.

D. Đông Nam Á.

Câu 21. Hin-đu giáo hình thành dựa trên cơ sở của

A. Phật giáo.

B. Bà La Môn giáo.

C. Hồi giáo.

D. Thiên Chúa giáo.

Câu 22. Chữ viết cổ nhất của Ấn Độ được tìm thấy trong nền văn minh

A. sông Ấn

B. sông Hằng.

C. sông Nin.

D. sông Hồng.

Câu 23. Nội dung nào sau đây thể hiện ý nghĩa của tư tưởng, tôn giáo Ấn Độ đối với văn minh nhân loại?

A. Tạo điều kiện cho sự thống nhất lãnh thổ Ấn Độ hiện nay.

B. Tạo ra một cộng đồng tôn giáo chung ở khu vực Đông Nam Á.

C. Để lại dấu ấn đậm nét trong văn minh của nhiều dân tộc khác.

D. Thể hiện sức mạnh của nền văn minh Ấn Độ với các nước thuộc địa.

Câu 24. Văn minh Trung Hoa hình thành và phát triển gắn liền với dòng sông nào sau đây?

A. Hoàng Hà.

B. A-ma-zôn.

C. Vôn-ga.

D. Mê Nam.

Câu 25. Học thuyết tư tưởng nào sau đây ra đời tại Trung Hoa?

A. Chủ nghĩa duy vật.

B. Chủ nghĩa duy tâm.

C. Thuyết Âm dương.

D. Chủ nghĩa Mác-Lênin.

Câu 26. Tôn giáo nào sau đây du nhập vào Trung Hoa từ đầu Công nguyên, cải biến và phát triển trong các thời đại trong lịch sử?

A. Phật giáo.

B. Hồi giáo.

C. Công giáo.

D. Nho giáo.

Câu 27. Loại hình chữ viết cổ nhất của Trung Hoa xuất hiện ở thời kì nào sau đây?

A. Nhà Hán.

B. Nhà Tần.

C. Nhà Thương.

D. Nhà Tống.

Câu 28. Chữ viết của Trung Hoa sau nhiều lần chỉnh lí và phát triển thành loại chữ nào sau đây?

A. Chữ San-xcrit.

B. Chữ Hán.

C. Chữ La-tinh.

D. Chữ Nôm.

Câu 29. Quốc gia nào sau đây chịu ảnh hưởng về văn tự (chữ viết) của người Trung Hoa?

A. Cam-pu-chia.

B. Phi-lip-pin.

C. Thái Lan.

D. Nhật Bản.

Câu 30. Thể loại nào sau đây là một trong những loại hình văn học phát triển mạnh dưới thời Minh - Thanh ở Trung Hoa?

A. Tiểu thuyết.

B. Chiều, biểu.

C. Văn tế.

D. Thơ tự do.

Câu 31. Nhà thơ nào sau đây là một trong những tác giả tiêu biểu của thơ ca thời Đường của Trung Hoa thời phong kiến?

A. Lỗ Tấn.

B. Nguyễn Du.

C. Lý Bạch.

D. Thê Lữ.

Câu 32. Công trình nào sau đây là thành tựu tiêu biểu của kiến trúc Trung Hoa?

A. Tử Cấm Thành.

B. Tượng Nhân sư.

C. Thành nhà Hồ.

D. Lăng Khải Định.

Câu 33. Người Trung Hoa cổ đại đã có phát minh nào sau đây về toán học?

A. Định lý Pi-ta-go.

B. Chữ số 0.

C. Bàn phím.

D. Bom nguyên tử.

Câu 34. Cư dân cổ đại nào sau đây là những người đầu tiên ghi chép về nhật thực, nguyệt thực?

A. Ấn Độ.

B. Hy Lạp.

C. La Mã.

D. Trung Hoa.

Câu 35. Nhân vật nào sau đây là một trong những thầy thuốc nổi tiếng của Trung Hoa thời cổ - trung đại?

A. Hoa Đà.

B. Tôn Thất Tùng.

C. Đỗ Phủ.

D. Lê Hữu Trác.

Câu 36. Bộ biên niên sử đầu tiên của Trung Hoa là tác phẩm nào sau đây?

A. Thủy hử.

B. Hồng lâu mộng.

C. Đại Việt sử kí.

D. Xuân Thu.

Câu 37. Thành tựu nào sau đây là một trong bốn phát minh lớn về kĩ thuật của Trung Hoa thời cổ - trung đại?

A. La bàn.

B. Máy bắn đá.

C. Cung tên.

D. Máy hơi nước.

Câu 38. Văn minh Trung Hoa ảnh hưởng nhiều nhất đối với khu vực nào sau đây?

A. Nam Á.

B. Đông Á.

C. Tây Âu.

D. Tây Á.

Câu 39. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng ảnh hưởng tích cực của khoa học – kĩ thuật Trung Hoa thời cổ - trung đại đến văn minh nhân loại?

A. Truyền bá và ứng dụng rộng rãi ở các nước phương Tây.

B. Làm tăng sự đa dạng và màu sắc của văn minh Trung Hoa.

C. Tác động đến sự sụp đổ của văn minh Lưỡng Hà.

D. Đồng hoá và nô dịch các dân tộc sinh sống lân cận.

Câu 40. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng ý nghĩa của nền văn minh Trung Hoa thời cổ - trung đại?

A. Để lại dấu ấn và ảnh hưởng trong lịch sử nhân loại.

B. Truyền bá và ảnh hưởng đến nhiều quốc gia khác.

C. Tạo liên hệ giữa văn minh phương Đông và phương Tây.

D. Nền tảng cho văn minh Tây Âu thời cổ - trung đại.

Câu 41. Bộ chữ viết nào sau đây được sử dụng phổ biến nhất trên thế giới hiện nay?

A. Chữ La-tinh.

B. Chữ Kanji.

C. Chữ Phạn.

D. Chữ Quốc ngữ.

Câu 42. Nguồn cảm hứng và đề tài phong phú của văn học Hy Lạp – La Mã cổ đại bắt nguồn từ

A. Sử thi.

B. Truyền thuyết.

C. Truyện cổ tích.

D. Thần thoại.

Câu 43. Đặt nền móng cho văn học Hy Lạp – La Mã cổ đại là hai bộ sử thi

A. Ma-ha-bha-ra-ta và Ra-ma-y-a-na.

B. I-li-át và Ô-đi-xê.

- C. Rô-mê-ô và Giu-li-ét. D. Thuỷ hủ và Hồng lâu mộng.
- Câu 44.** Công trình kiến trúc nào sau đây là thành tựu tiêu biểu của văn minh La Mã cổ đại?
 A. Cổ cung Bắc Kinh. B. Lăng Ta-giơ Ma-han.
 C. Đấu trường Cô-li-dê. D. Quần thể A-gian-ta.
- Câu 45.** Nhân vật nào sau đây được xem là người đặt nền móng của y học phương Tây?
 A. Hi-pô-crát. B. Ô-cơ-lít. C. Ta-lét. D. Ác-si-mét.
- Câu 46.** Nhà sử học nào sau đây là một trong những nhà sử học vĩ đại nhất mọi thời đại, đặt nền móng cho Sử học hiện đại?
 A. Hô-me. B. Pla-tôn. C. Hê-rô-đốt. D. Ra-pha-en.
- Câu 47.** Trào lưu nào sau đây xuất hiện ở Tây Âu dựa trên cơ sở phục hưng những thành tựu của văn minh Hy Lạp – La Mã cổ đại?
 A. Triết học Ánh sáng. B. Văn hoá Phục hưng.
 C. Cải cách tôn giáo. D. Cách mạng tư sản Pháp.
- Câu 48.** Nhân vật nào sau đây là một danh hoạ thời Phục hưng?
 A. Lê-ô-na đờ Vanh-xi. B. Na-pô-lê-ông Bô-na-pác.
 C. Tuy-xi-dít. D. Pi-ta-go.
- Câu 49.** Nội dung nào sau đây phản ánh đúng ý nghĩa của văn minh Hy Lạp – La Mã cổ đại đối với văn minh nhân loại?
 A. Đặt nền tảng cho sự hình thành và phát triển của văn minh phương Tây.
 B. Tạo ra sự giao lưu văn hoá Đông – Tây bằng các cuộc phát kiến địa lý.
 C. Đặt cơ sở ban đầu với tư cách là nền văn minh ra đời sớm nhất nhất giới.
 D. Tạo cơ sở cho sự ra đời của chủ nghĩa tư bản thời kì cận – hiện đại.
- Câu 50.** Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng ý nghĩa của các thành tựu văn minh thời Phục hưng?
 A. Có ý nghĩa vô cùng to lớn với văn minh Tây Âu và nhân loại.
 B. Mở đường cho văn minh Tây Âu phát triển trong những thế kỉ tiếp theo.
 C. Cuộc đấu tranh công khai đầu tiên về văn hoá, tư tưởng của giai cấp tư sản.
 D. Dẫn đến sự xác lập của chủ nghĩa tư bản ở châu Âu và thế giới.

2. Trắc nghiệm đúng - sai

Câu 1. Cho bảng thông tin sau:

Nền văn minh	Niên đại
Ai Cập cổ đại	Khoảng năm 3200 – năm 30 TCN
Luống Hà cổ đại	Khoảng cuối thiên niên kỉ IV TCN – giữa thiên niên kỉ I TCN
Ấn Độ thời cổ - trung đại	Giữa thiên niên kỉ III TCN – năm 1857
Trung Hoa thời cổ - trung đại	Khoảng thế kỉ XXI TCN – năm 1911

- a) Bảng thông tin đề cập một số nền văn minh phương Đông thời cổ - trung đại.
 b) Các nền văn minh phương Đông cổ đại đều ra đời trên lưu vực các dòng sông lớn.
 c) Thành tựu của các nền văn minh phương Đông đã được truyền bá sang phương Tây, thúc đẩy sự ra đời các nền văn minh phương Tây cổ đại.
 d) Các nền văn minh phương Đông có mối liên hệ chặt chẽ với nhau, ảnh hưởng lẫn nhau trong quá trình phát triển.

Câu 2. Cho đoạn tư liệu sau:

“Như vậy, trên thế giới có hai khu vực văn minh lớn: phương Đông và phương Tây. Thời cổ đại, phương Đông có bốn trung tâm văn minh là Ai Cập, Luống Hà, Ấn Độ và Trung Quốc. Thời trung đại, cả Tây Á và Ai Cập đều nằm trong bản đồ đế quốc A rập nên ở phương Đông chỉ còn lại ba trung tâm văn minh lớn ở A rập, Ấn Độ và Trung Quốc. Trong các nền văn minh ấy, văn minh Ấn Độ và Trung Quốc được phát triển liên tục trong tiến trình lịch sử.”

(Vũ Dương Ninh, *Lịch sử văn minh thế giới*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2010, tr.10)

- a) Ấn Độ là một trong những nền văn minh phương Tây thời cổ - trung đại.
- b) Văn minh Ấn Độ và Trung Hoa phát triển liên tục trong thời kì trung đại và cận đại.
- c) Thành tựu của các nền văn minh phương Đông thời cổ - trung đại đóng góp những giá trị to lớn cho văn minh nhân loại.
- d) Văn minh Ấn Độ và Trung Hoa có ảnh hưởng sâu sắc đến nhiều quốc gia khác trên thế giới, trong đó có Việt Nam.

Câu 3. Cho đoạn tư liệu sau

“Ấn Độ đã cho chúng ta những món quà như môn ngữ pháp và luân lí, triết học và ngụ ngôn, thuật thôi miên và chơi cờ, trên tất cả là các chữ số và hệ thống thập phân,... Ấn Độ dạy chúng ta sự khoan dung, hoà nhã của tâm trí thành thực, sự tĩnh lặng của tâm hồn thanh thản, sự bình tĩnh của tinh thần hiểu biết và sự yêu thương hoà hợp, thống nhất dành cho mọi vật sống”.

(Theo Uyn Đu-ran, *Câu chuyện văn minh, Phần I: Di sản phương Đông của chúng ta* (bản Tiếng Anh), Niu Oóc, 1942, tr.633)

- a) Đoạn tư liệu đề cập đến thành tựu của văn minh Ấn Độ
- b) Thành tựu văn minh Ấn Độ có giá trị lớn trong lịch sử nhân loại.
- c) Sự phát triển rực rỡ của văn minh Ấn Độ thời cổ - trung đại cùng những thành tựu trên nhiều lĩnh vực có ý nghĩa quyết định đến sự ra đời của các nền văn minh phương Tây.
- d) Văn minh Ấn Độ truyền bá mạnh mẽ ra bên ngoài, ảnh hưởng sâu rộng và là nền tảng cho sự hình thành các quốc gia Đông Á cổ đại.

Câu 4. Cho đoạn tư liệu sau:

"Văn minh Hy Lạp cổ đại đã để lại dấu ấn sâu sắc trong nhiều lĩnh vực. Về triết học, các nhà tư tưởng như Socrates, Plato và Aristotle không chỉ đặt nền tảng cho tư duy logic và triết học phương Tây mà còn ảnh hưởng đến cả khoa học và chính trị. Trong lĩnh vực nghệ thuật, người Hy Lạp đã sáng tạo ra các phong cách kiến trúc nổi bật như Doric, Ionic và Corinthian, thể hiện rõ qua các công trình như đền Parthenon. Hệ thống chữ cái Hy Lạp, phát triển từ bảng chữ cái Phoenicia, đã góp phần vào sự tiến bộ của văn học và ngôn ngữ. Ngoài ra, Hy Lạp còn là quê hương của các kỳ Thế vận hội đầu tiên (776 TCN), nơi tôn vinh tinh thần thể thao và đoàn kết."

(Claude Orrieux và Pauline Schmitt Pantel, *A History of Ancient Greece* [bản tiếng Anh], 1999)

- a) Đoạn tư liệu trên đề cập thành tựu về khoa học – kĩ thuật của văn minh Hy Lạp cổ đại.
- b) Văn minh Hy Lạp là bước tiếp nối của nền văn minh phương Tây thời kì La Mã cổ đại.
- c) Thành tựu văn minh Hy Lạp - La Mã cổ đại đặt nền tảng phát triển ngành khoa học, kĩ thuật của thế giới trong những giai đoạn tiếp theo.
- d) Khoa học – kĩ thuật phương Tây thời cổ đại chính xác hơn và thay thế cho những phát minh của phương Đông cổ đại.

Câu 5. Đọc đoạn tư liệu sau

“Trong các tác phẩm của mình, Sếchxpia đã đưa lên sân khấu các nhân vật thuộc tất cả các tầng lớp trong xã hội từ vua quan, tướng lĩnh, giáo sĩ, thương nhân cho đến con sen, thằng nhỏ... và đã đề cập đến nhiều mặt, nhiều mâu thuẫn phức tạp trong cuộc sống xã hội vào giai đoạn chế độ phong kiến đang suy tàn và chủ nghĩa tư bản bắt đầu xuất hiện.”

(Vũ Dương Ninh, *Lịch sử văn minh thế giới*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2010, tr.338)

- a) Sếchxpia là tác giả kiệt xuất của văn minh thời Phục hưng.
- b) Tác phẩm của Sếchxpia vạch trần bộ mặt của chế độ phong kiến ở các quốc gia phương Đông.
- c) Văn minh Phục hưng là cuộc cách mạng vũ trang đầu tiên của giai cấp tư sản mới ra đời nhằm chống lại phong kiến và giáo hội Thiên Chúa.

d) Văn minh Phục hưng đặt cơ sở và mở đường cho văn minh Tây Âu phát triển trong những thế kỉ tiếp theo.

3. Phần tự luận

- Giải thích, so sánh khái niệm văn minh và văn hoá.
- Phân tích ý nghĩa của các thành tựu văn minh Ai Cập cổ đại, Ấn Độ thời cổ - trung đại, Trung Hoa thời cổ - trung đại.
- Phân tích ý nghĩa của các thành tựu văn minh Hy Lạp – La Mã thời cổ đại, văn minh thời Phục hưng.
- Đánh giá ảnh hưởng của văn minh phương Đông thời cổ - trung đại đến Việt Nam.
- Đánh giá vai trò của văn minh phương Đông thời cổ - trung đại đối với văn minh nhân loại.
- Đánh giá vai trò của văn minh Hy Lạp – La Mã cổ đại đối với văn minh phương Tây hiện đại.
- Đánh giá vai trò của văn minh thời Phục hưng đối với văn minh nhân loại.

---HẾT---